

Bản án số: 512/2022/HS-PT

Ngày: 12/12/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tân Trường

Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm

ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 503/2022/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Đình Q về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước*”; do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2022/HSST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị cáo bị kháng nghị:

Nguyễn Đình Q; sinh ngày 12/9/1984 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: lớp 12/12; con ông Nguyễn Đình T và bà Lê Thị Thùy L; vợ: Cao Thị M N, có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/8/2021 đến ngày 17/11/2021 thay đổi bằng biện pháp pháp ngăn chặn B lĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 5/2016, Nguyễn Đình Q thành lập Doanh nghiệp tư nhân Sản xuất T mại dịch vụ và Xây dựng M (viết tắt là DNTN M), được Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp GCNĐKKD ngày 16/05/2016; trụ sở: tỉnh Thừa Thiên Huế; Q là người đại diện theo pháp luật; lĩnh vực kinh doanh: cửa xẻ gỗ, bảo quản gỗ. Đến tháng 3/2018, Nguyễn Đình Q tiếp tục thành lập Công ty TNHH MTV Sản xuất T mại dịch vụ X (viết tắt là Công ty X), được Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp GCNĐKKD ngày 15/03/2018; trụ sở: tỉnh Thừa Thiên Huế; người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Đình T (bố đẻ của Nguyễn Đình Q); lĩnh vực kinh doanh: cửa xẻ gỗ, bảo quản gỗ.

Nguyễn Đình Q là người làm thủ tục đăng ký thành lập DNTN M và Công ty X, trong đó DNTN M do Q làm chủ doanh nghiệp, còn Công ty X Q mượn danh nghĩa cha ruột là Nguyễn Đình T làm Giám đốc, nhưng thực tế Q là người trực tiếp điều hành hoạt động của cả 02 đơn vị này.

Từ tháng 8/2016 đến tháng 5/2019, ngoài hoạt động mua bán, cửa xẻ, bảo quản gỗ rừng trồng, Q còn thực hiện việc bán trái phép hóa đơn Giá trị gia tăng (GTGT) đã ghi sẵn nội dung của 02 doanh nghiệp trên cho nhiều cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu mua hóa đơn để thu lợi bất chính. Mặt hàng ghi trên các hóa đơn GTGT xuất không là cát, sạn, đá, đất, nhân công, ca máy và vận chuyển, là những mặt hàng mà DNTN M và Công ty X không sản xuất kinh doanh.

Để mua hóa đơn GTGT không, bên mua gặp trực tiếp hoặc liên hệ Q qua số điện thoại 0941.350.055 thống nhất giá mua bán hóa đơn GTGT là 11% giá trị hàng hóa chưa thuế đối với các mặt hàng cát, sạn, đá, đất cấp phối, nhân công, vận chuyển, ca máy và 8,5% giá trị hàng hóa chưa thuế đối với mặt hàng gỗ. Bên mua hóa đơn GTGT không giới thiệu lai lịch, địa chỉ nên Q không biết họ là ai. Trên cơ sở thông tin do bên mua cung cấp, Q trực tiếp điền thông tin trên hóa đơn GTGT bằng máy vi tính hoặc viết tay và ký tên vào mục Thủ trưởng DNTN M, đồng thời giả chữ ký Nguyễn Đình T để ký tên vào mục Thủ trưởng Công ty X. Sau khi lập hóa đơn không, Q trực tiếp hẹn giao hóa đơn GTGT và được bên mua trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Khoản tiền bên mua hóa đơn GTGT chuyển khoản thì hợp thức các chứng từ, được Q rút tiền mặt ra trừ đi tiền mua hóa đơn, số còn lại trả cho bên mua.

Khoản tiền thu được từ việc bán hóa đơn không, Q đã chi nộp một phần thuế giá trị gia tăng (GTGT) và thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) cho DNTN M và Công ty X là: 213.236.000 đồng (theo số liệu của Chi cục thuế Khu vực Hương Điền và Chi cục thuế thành phố Huế cung cấp); phần còn lại Q sử dụng cá nhân. Toàn bộ bản gốc hóa đơn đầu vào, đầu ra và chứng từ kế toán của 02 đơn vị được Nguyễn Đình Q lưu trữ tại Xưởng cửa Ngọc Q đã bị thất lạc trong quá trình sang nhượng vào tháng 8/2019.

Qua điều tra xác định, Nguyễn Đình Q đã xuất bán 123 hóa đơn GTGT không có hàng hóa dịch vụ của DNTN M và Công ty X cho các doanh nghiệp cụ thể như sau:

1. Công ty TNHH S do Cao Trường G là người đại diện theo pháp luật.

Năm 2016 và năm 2017, ông Cao Trường G chỉ đạo kế toán Nguyễn Thị T liên hệ mua hóa đơn GTGT để hợp thức chi phí vận chuyển và ca máy công trình.

Nguyễn Thị T đã liên hệ Phạm Thị Hoài T nhờ mua hóa đơn. T báo cho T biết DNTN M bán hóa đơn với giá là 11% giá trị hàng hóa chưa thuế và hai bên thống nhất Công ty S chi bồi dưỡng cho T 2.000.000 đồng tương ứng 1% giá trị hóa đơn chưa thuế. Sau đó T đã nhận từ T 05 hóa đơn GTGT của DNTN M tổng giá trị chưa thuế là 226.674.730 đồng. T đã đưa tiền mặt cho T tổng cộng 27.000.000 đồng như đã thỏa thuận để T thanh toán tiền mua hóa đơn. T đã trả tiền mua hóa đơn cho Nguyễn Đình Q là 25.000.000 đồng và giữ lại 2.000.000 đồng sử dụng cá nhân.

Công ty S đã kê khai thuế đối với 05 hóa đơn trên. Ngày 05/3/2020 Công ty điều chỉnh loại hóa đơn và nộp thuế GTGT là 22.667.000 đồng. Ngày 19/11/2021 Công ty nộp thuế TNDN là 45.969.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của DNTN M, Nguyễn Đình Q thừa nhận đã bán không 01 hóa đơn cho Công ty S và thu tổng cộng 24.930.000 đồng.

2. Công ty cổ phần T do Lê Thị Kim T là người đại diện theo pháp luật.

Năm 2016 và năm 2017, bà T đã chỉ đạo nhân viên kế toán là Nguyễn Ngọc B U liên hệ tìm mua hóa đơn GTGT về mặt hàng gỗ cho Công ty.

Tháng 2/2017, U đã liên hệ Phan Thị H để tìm mua hóa đơn. H báo cho U biết DNTN M có bán hóa đơn GTGT mặt hàng gỗ với giá là 10% giá trị hàng hóa chưa thuế. U cung cấp thông tin ghi trên hóa đơn cho H và đã nhận từ H 01 hóa đơn GTGT của DNTN M giá trị chưa thuế là 290.000.000 đồng. Theo chỉ đạo của Giám đốc, U đã đưa tiền mặt cho H 29.000.000 đồng để thanh toán tiền mua hóa đơn. H đã trả tiền mua hóa đơn cho Nguyễn Đình Q là 26.000.000 đồng và giữ lại 3.000.000 đồng sử dụng cá nhân.

Tháng 7/2017, bà Lê Thị Kim T trực tiếp liên hệ số điện thoại in trên hóa đơn DNTN M để mua thêm 03 hóa đơn mặt hàng gỗ với giá là 10% giá trị hàng hóa chưa thuế và cung cấp thông tin ghi trên hóa đơn với tổng giá trị hóa đơn chưa thuế là 267.200.000 đồng. Bà T chỉ đạo U nhận 03 hóa đơn từ người của DNTN M và trả tiền mua hóa đơn bằng tiền mặt là 26.720.000 đồng.

Công ty T đã kê khai thuế đối với 04 hóa đơn trên. Ngày 21/5/2020, Công ty điều chỉnh loại hóa đơn, điều chỉnh giảm số thuế GTGT được khấu trừ chuyển kỳ sau là 55.720.000 đồng, nộp thuế TNDN 15 111.440.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 04 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của DNTN M, Nguyễn Đình Q thừa nhận đã xuất không 04 hóa đơn ghi thông tin Công ty cổ phần T và thu tổng cộng 47.360.000 đồng.

3. Công ty TNHH H do Trần Thị Thu N sinh là người đại diện theo pháp luật.

Năm 2018, năm 2019, Công ty H đã thuê nhiều đội thầu xây dựng để phục vụ thi công các công trình. Sau khi hoàn thành công việc các đội thầu này liên hệ mua hóa đơn của cơ quan Thuế để giao cho Công ty H nhưng cơ quan thuế không cấp hóa đơn. Trần Thị Thu N đồng ý nhờ đại diện đội thầu làm trung gian liên hệ mua hóa đơn không của Công ty X. Thông tin ghi trên hóa đơn do N cung cấp cho đại diện đội thầu và được người này thông báo giá mua hóa đơn là 13% giá trị hóa đơn chưa thuế. Đại diện đội thầu giao cho N 08 hóa đơn GTGT của Công ty X với tổng giá trị hóa đơn chưa thuế là 356.386.360 đồng. N đã trả tiền mua hóa đơn là 46.300.000 đồng bằng tiền mặt thông qua đại diện đội thầu. Do thời gian đã lâu và quá trình thi công Công ty H thuê nhiều đội thầu xây dựng, nên N không nhớ người đã mua giúp 08 hóa đơn GTGT của Công ty X. Cơ quan điều tra đã thu giữ 08 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của Công ty X. Nguyễn Đình Q thừa nhận đã bán không 08 hóa đơn GTGT ghi thông tin Công ty H và thu tổng cộng 39.200.000 đồng.

4. Chi nhánh bê tông và khai thác mỏ T do Đỗ Đ H làm Giám đốc. Trụ sở Chi nhánh: tỉnh Thừa Thiên Huế. Chi nhánh trực thuộc Công ty cổ phần kinh doanh nhà T, do Võ P làm Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật. Trụ sở Công ty đóng tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Năm 2017 đến 2019, Chi nhánh Bê tông và khai thác mỏ T đã nhiều lần thuê xe vận chuyển cát đá, thuê xe đào múc, thuê nhân công, mua gỗ kê chân phục vụ tại Trạm bê tông của chi nhánh. Khi làm thủ tục thanh toán, các chủ phương tiện (không xác định được nhân thân, địa chỉ) đã cung cấp cho Chi nhánh tổng cộng 11 hóa đơn GTGT của DNTN M và Công ty X với tổng giá trị hàng hóa chưa thuế là 78.254.540 đồng. Chi nhánh đã thanh toán tiền công các chủ phương tiện bằng tiền mặt.

Đỗ Đ H khẳng định Chi nhánh Bê tông T không thỏa thuận mua bán hóa đơn với DNTN M và Công ty X. Việc Chi nhánh phát sinh chi phí thuê xe vận chuyển cát đá, thuê xe đào múc, thuê nhân công, mua gỗ kê chân phục vụ tại Trạm bê tông với các chủ phương tiện là có thật và chi nhánh đã nhận hóa đơn từ những người này. Chi nhánh hiện không còn thông tin liên hệ của những người này.

Ngày 27/4/2020, Công ty điều chỉnh loại 11 hóa đơn trên và nộp thuế GTGT là 7.825.000 đồng. Công ty không nộp thuế TNDN do kết quả kinh doanh lỗ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 11 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của DNTN M và Công ty X. Nguyễn Đình Q thừa nhận đã xuất không 11 hóa đơn ghi thông tin Chi nhánh Bê tông T và thu tổng cộng 8.500.000 đồng.

5. Công ty TNHH H do Dương Viết H là người đại diện theo pháp luật.

Năm 2017 đến 2019, Công ty H nhận thi công một số công trình và giao nhiệm vụ cho Nguyễn T T, Nguyễn Thúc T, Phan Việt A là các nhân viên kỹ thuật làm chỉ huy trưởng các công trình xây dựng nói trên.

Quá trình thi công, các chỉ huy trưởng đã liên hệ mua cát, đất từ các đội xe

vận chuyển và thuê các đội thầu xây dựng của Trần Văn Q tại P, Nguyễn Đình A và Phạm Văn H tại H (đều không xác định được nhân thân, địa chỉ). Khi hoàn thành công việc, các đội xe và đội thầu giao cho Công ty tổng cộng 09 tờ hóa đơn GTGT của DNTN M và Công ty X với giá trị hàng hóa chưa thuế là 2.271.800.900 đồng. Dương Viết H đã chỉ đạo bộ phận kế toán chuyển khoản thanh toán theo số tài khoản mà các đội thầu cung cấp.

Dương Viết H khẳng định Công ty H không thỏa thuận mua hóa đơn với DNIN M và Công ty X. Việc Công ty mua cát, đất từ các đội xe vận chuyển và thuê các đội thầu xây dựng thi công công trình là có thật và đã nhận hóa đơn từ đại diện các đội thầu này. Công ty không còn thông tin liên hệ của những đội thầu này.

Công ty H đã kê khai thuế đối với 09 hóa đơn trên. Ngày 16/5/2020, Công ty điều chỉnh loại hóa đơn và nộp thuế GTGT là 227.180.000 đồng, nộp thuế TNDN là 454.360.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 09 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của DNTN M và Công ty X. Nguyễn Đình Q thừa nhận đã xuất không 09 hóa đơn ghi thông tin Công ty H và thu tổng cộng 249.900.000 đồng.

6. Công ty TNHH H L do Nguyễn Văn H là người đại diện theo pháp luật.

Năm 2018, năm 2019 Công ty H L nhận thi công một số công trình. Công ty đã ký hợp đồng thuê đội thầu xây dựng của Hoàng S, thuê máy móc thiết bị của Lê Xuân T (không xác định được nhân thân, địa chỉ) và đội thầu của Trương Q H (trú tại Thừa Thiên Huế) thi công công trình và các đội thầu cam kết cung cấp hóa đơn khi thanh toán.

Sau khi hoàn thành công việc, đội thầu của Hoàng S, Lê Xuân T giao 04 tờ hóa đơn GTGT và đội thầu của Trương Q H giao 01 hóa đơn của Công ty X tổng giá trị chưa thuế là 1.141.647.830 đồng để làm thủ tục thanh toán. Công ty H L đã chuyển khoản thanh toán theo số tài khoản mà các đội thầu cung cấp.

Trương Q H đã nhờ thợ (không xác định được nhân thân, địa chỉ) trong đội thầu của mình tìm mua hóa đơn. Người này đã mua và đưa về 01 hóa đơn GTGT của Công ty X trị giá hóa đơn chưa thuế là 69.681.818 đồng với giá 11% để H giao cho Nguyễn Văn H thanh toán tiền nhân công. H đã trả tiền mua hóa đơn cho bên bán bằng tiền mặt là 7.660.000 đồng thông qua người thợ đã liên hệ mua hóa đơn giúp.

Nguyễn Văn H khẳng định Công ty H L không thỏa thuận mua bán hóa đơn với Công ty X. Việc Công ty thuê các đội thầu xây dựng và thuê máy móc phục vụ thi công công trình là có thật và đã nhận hóa đơn từ đại diện các đội thầu này.

Công ty H L đã kê khai thuế đối với 05 hóa đơn trên. Ngày 18/5/2020 Công ty điều chỉnh loại hóa đơn và nộp thuế GTGT là 114.164.000 đồng. Công ty không nộp thuế TNDN do kết quả kinh doanh các năm 2018 2019 đều lỗ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 05 hóa đơn GTGT (bản gốc) của Công ty X. Nguyễn Đình Q thừa nhận đã xuất không 05 hóa đơn ghi thông tin Công ty H L và thu tổng cộng 125.500.000 đồng.

7. Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng đường bộ Thừa Thiên Huế do Dương Q H là người đại diện theo pháp luật Công ty có nhiều đơn vị trực thuộc tự chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh.

(7.1). Xí nghiệp quản lý và xây dựng công trình 4 do Lê Q V làm Giám đốc.

Lê Q V đã nhận 03 hóa đơn của Công ty X có tổng giá trị chưa thuế là 249.889.000 đồng từ đại diện đội thầu và đã thanh toán tiền thuê máy bằng tiền mặt 18.794.000 đồng, chuyển khoản thanh toán tiền thuê máy, thuê nhân công tổng cộng 256.084.000 đồng theo số tài khoản do đội thầu cung cấp. Sau đó, Xí nghiệp đã chuyển các chứng từ kèm các hóa đơn trên về Công ty để quyết toán công trình.

(7.2). Hạt quản lý đường bộ T phố do Nguyễn Xuân B làm Hạt trưởng.

Nguyễn Xuân B đã nhận 01 hóa đơn của Công ty X có giá trị chưa thuế là 35.000.000 đồng từ đại diện đội thầu và chuyển khoản 38.500.000 đồng thanh toán tiền nhân công theo số tài khoản do đội thầu cung cấp. Sau đó, Hạt thành phố đã chuyển chứng từ kèm hóa đơn trên về Công ty để quyết toán công trình.

(7.3). Hạt quản lý đường bộ L do Phan Viết H làm Hạt trưởng.

Phan Viết H đã nhận 01 hóa đơn của Công ty X có giá trị chưa thuế là 34.000.000 đồng từ đại diện đội thầu và chuyển khoản 37.400.000 đồng thanh toán tiền nhân công theo số tài khoản do đội thầu cung cấp. Sau đó, Hạt L đã chuyển chứng từ kèm hóa đơn trên về Công ty để quyết toán công trình.

(7.4). Hạt quản lý đường bộ A do Lê Gia Đ làm Hạt trưởng. Lê Gia Đ đã nhận 01 hóa đơn của Công ty X có giá trị chưa thuế là 1.472.730 đồng từ chủ phương tiện và đã thanh toán tiền mua đất bằng Sau đó, Hạt A Lưới đã chuyển chứng từ kèm hóa đơn trên về Công ty để quyết toán công trình.

(7.5). Hạt quản lý đường bộ T do Đỗ Ngọc T làm Hạt trưởng. Đỗ Ngọc T đã nhận 02 hóa đơn (của DNTN M và của Công ty X) từ chủ phương tiện vận chuyển, đội thầu xây dựng và đã thanh toán tiền vật tư bằng tiền mặt là 12.925.000 đồng và chuyển khoản thanh toán tiền nhân công là 70.400.000 đồng theo số tài khoản do đội thầu cung cấp. Sau đó, Hạt T đã chuyển các chứng từ kèm các hóa đơn trên về Công ty để quyết toán công trình.

(7.6). Hạt quản lý đường bộ H do Võ Trọng N làm Hạt trưởng. Võ Trọng N đã nhận 01 hóa đơn của Công ty X có giá trị chưa thuế là 2.836.360 đồng từ chủ phương tiện và đã thanh toán tiền mua đất 3.120.000 đồng bằng tiền mặt. Sau đó, Hạt H đã chuyển chứng từ kèm hóa đơn trên về Công ty để quyết toán công trình.

(7.7). Hạt quản lý đường bộ B do Nguyễn T làm Hạt trưởng. Nguyễn T đã nhận 04 hóa đơn của DNTN M, 01 hóa đơn của Công ty X từ chủ phương tiện vận chuyển, đội thầu xây dựng và đã thanh toán tiền vật tư bằng tiền mặt tổng cộng 59.578.000 đồng và chuyển khoản thanh toán tiền nhân công là 44.000.000 đồng theo số tài khoản do đội thầu cung cấp. Sau đó, Hạt B đã chuyển chứng từ kèm hóa đơn trên về Công ty để quyết toán công trình.

(7.8). Hạt quản lý đường bộ R do H Lê Anh D làm Hạt trưởng.

H Lê Anh D nhận 02 hóa đơn của Công ty X tổng giá trị chưa thuế 4.309.909

đồng từ chủ phương tiện và đã thanh toán tiền mua đất 4.740.000 đồng bằng tiền mặt. Sau đó, Hạt R đã chuyển chứng từ kèm các hóa đơn trên về Công ty để quyết toán công trình.

(7.9). Hạt quản lý đường bộ H do Đặng C làm Hạt trưởng trưởng.

Đặng C đã nhận 01 hóa đơn của Công ty X có giá trị chưa thuế là 60.000.000 đồng từ đại diện đội thầu và chuyển khoản 66.000.000 đồng thanh toán tiền nhân công theo số tài khoản do đội thầu cung cấp. Sau đó, Hạt H đã chuyển chứng từ kèm hóa đơn trên về Công ty để quyết toán công trình.

Tổng cộng trong năm 2018 và năm 2019 Xí nghiệp công trình 4 và các Hạt đường bộ đã nhận tổng cộng 17 hóa đơn GTGT, gồm 05 hóa đơn của DNTN M và 12 hóa đơn của Công ty X. Giám đốc Xí nghiệp 4 và Hạt trưởng các Hạt đường bộ khẳng định không thỏa thuận mua bán hóa đơn với DNTN M cũng như với Công ty X; việc Xí nghiệp và các Hạt đường bộ phát sinh chi phí mua đất, đá, thuê máy móc, thuê nhân công với các đội thầu, các chủ phương tiện vận chuyển (không xác định được nhân thân, địa chỉ là có thật và đã nhận hóa đơn từ những người này; hiện không còn thông tin liên hệ gì của những người này.

Ông Dương Q H - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần quản lý và Xây dựng đường bộ Thừa Thiên Huế trình bày Công ty đã giao khoán cho Xí nghiệp và các Hạt đường bộ chủ động tổ chức hoạt động sản xuất, khi phát sinh chi phí thì các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm tập hợp hóa đơn đầu vào nộp lên Công ty để kê khai thuế. Tổng cộng Công ty đã nhận từ các đơn vị trực thuộc và thực hiện kê khai thuế đối với 01 hóa đơn của DNTN M; riêng 12 hóa đơn của Công ty X, Công ty chưa sử dụng để kê khai khấu trừ thuế. Ngày 20/3/2020, Công ty điều chỉnh loại 01 hóa đơn đã sử dụng kê khai và nộp thuế GTGT là 6.591.000 đồng, nộp thuế TNDN là 13.182.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 17 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của DNTN M và Công ty X. Nguyễn Đình Q thừa nhận đã bán không 17 hóa đơn ghi thông tin Xí nghiệp 4 và các Hạt đường bộ trực thuộc Công ty cổ phần Quản lý và xây dựng đường bộ Thừa Thiên Huế và thu tổng cộng 61.310.000 đồng.

8. Công ty cổ phần T do Lê Văn H là người đại diện theo pháp luật.

Năm 2016, Công ty CP T là nhà thầu chính thi công Dự án Nhà máy thủy điện R 4 tại P, Thừa Thiên Huế. Công ty có ký hợp, đồng kinh tế với đội thầu của Nguyễn Duy T (trú tại Nghệ An) để giao khoán thi công đào, xúc đất đá phần móng công trình, vận chuyển đất đá đến bãi tập kết được quy hoạch của công trình và đội thầu này cam kết có hóa đơn khi thanh toán.

Sau khi hoàn thành công việc, ông T đã giao cho Công ty CP T 05 tờ hóa đơn GTGT của DNTN M tổng giá trị chưa thuế là 3.278.318.180 đồng để làm thủ tục thanh toán. Công ty đã chuyển, khoản 3.606.150.000 đồng thanh toán tiền thi công theo số tài khoản T cung cấp.

Lê Văn H khẳng định việc Công ty phát sinh chi phí vận chuyển, thuê máy móc phục vụ công trình là có thật và đã nhận 05 hóa đơn từ Nguyễn Duy T.

Công ty đã kê khai thuế đối với 05 hóa đơn trên. Ngày 04/5/2020, Công ty điều chỉnh loại hóa đơn và nộp thuế GTGT là 327.831.000 đồng, nộp thuế TNDN là 285.465.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 05 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của DNTN M, Nguyễn Đình Q thừa nhận đã xuất không 05 hóa đơn ghi thông tin Công ty CP T và thu tổng cộng 360.610.000 đồng.

9. Công ty TNHH MTV TM&DV P do Hồ Vũ P là người đại diện pháp luật.

Năm 2017 Công ty P nhận thầu cung ứng đất cho một số công ty ở Thừa Thiên Huế. Hồ Vũ P đã mua gom đất của nhiều hộ dân (không xác định được nhân thân, địa chỉ) tại xã T, thị xã H.

Đại diện các hộ dân đã giao cho Công ty P 05 tờ hóa đơn GTGT của Công ty X tổng giá trị chưa thuế là 1.247.272.740 đồng khi thanh toán. Hồ Vũ P đã chuyển khoản 1.372.000.000 đồng thanh toán tiền đất theo số tài khoản do đại diện các hộ dân cung cấp.

Hồ Vũ P đã kê khai thuế đối với 05 hóa đơn trên. Ngày 29/6/2020, công ty điều chỉnh loại hóa đơn và nộp thuế GTGT là 124.727.000 đồng. Ngày 09/9/2021, Công ty đã nộp thuế TNDN là 211.030.953 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 05 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của Công ty X. Nguyễn Đình Q thừa nhận đã xuất không 05 hóa đơn ghi thông tin Công ty P và thu tổng cộng 137.200.000 đồng.

10. Công ty TNHH MTV Quản lý và xây dựng Công trình 1 do Lê T Hiền là người đại diện theo pháp luật.

Năm 2018 và năm 2019 Công ty Công trình 1 thi công các gói thầu sửa chữa cầu P, sửa chữa mặt đường QL1A và QL49 nên đã thuê máy móc, thiết bị và nhân công của đội thầu Võ Văn T (trú tại thôn L, thị xã H, nay ông T đã chết). Khi hoàn thành công việc, ông T đã giao cho Công ty Công trình 1 05 tờ hóa đơn GTGT của Công ty X tổng giá trị chưa thuế là 521.031.820 đồng. Công ty Công trình 1 đã chuyển khoản 573.135.000 đồng thanh toán tiền công cho đội thầu theo số tài khoản do Võ Văn T cung cấp.

Công ty đã kê khai thuế đối với 05 hóa đơn trên. Ngày 12/3/2020, Công ty điều chỉnh loại hóa đơn và nộp thuế GTGT là 52.103.000 đồng. Do công trình X đang thi công dở dang, các chi phí phát sinh chưa được tập hợp để quyết toán thuế TNDN.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 05 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của Công ty V X. Nguyễn Đình Q thừa nhận đã xuất không 05 hóa đơn ghi thông tin Công ty Quản lý và xây dựng Công trình 1 và thu tổng cộng 57.310.000 đồng.

11. Công ty TNHH MTV Quản lý và xây dựng Công trình 2 do Dương Văn T là người đại diện theo pháp luật.

Năm 2018 và năm 2019, Công ty Công trình 2 thi công công trình sửa chữa mặt đường Quốc lộ 1A và Quốc lộ 49 nên đã thuê máy móc, thiết bị và nhân công đội thầu của Võ Văn T (trú tại thị xã H, nay ông T đã chết) để thi công. Khi hoàn

thành công việc, Võ Văn T giao cho Công ty Công trình 2 tổng cộng 05 hóa đơn GTGT của DNTN M và Công ty X, tổng giá trị chưa thuế là 258.339.360 đồng. Công ty Công trình 2 đã thanh toán cho đội thầu bằng tiền mặt là 34.044.300 đồng và chuyển khoản 250.X.000 theo số tài khoản do Võ Văn T cung cấp.

Dương Văn T khẳng định việc phát sinh chi phí giao khoán thi công với đội thầu của Võ Văn T là có thật và đã nhận hóa đơn từ ông Võ Văn T.

Dương Văn T đã kê khai thuế đối với 05 hóa đơn trên. Ngày 13/9/2020 Công ty điều chỉnh loại hóa đơn và nộp thuế GTGT là 25.833.000 đồng, nộp thuế TNDN là 5.572.000 đồng do kết quả kinh doanh năm 2019 lỗ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 05 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của DNTN M và Công ty X. Nguyễn Đình Q thừa nhận đã xuất không 05 hóa đơn ghi thông tin Công ty Quản lý và xây dựng Công trình 2 và thu tổng cộng 28.410.000 đồng.

12. Công ty TNHH L do H T làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật.

Năm 2018 Công ty L đã mua gom gỗ cốp pha từ một số xưởng cưa ở H và được xưởng cưa này (không xác định được nhân thân, địa chỉ) giao 01 hóa đơn GTGT của Công ty X, giá trị chưa thuế là 64.909.100 đồng.

Năm 2018 Công ty L nhận thi công đường bê tông giao thông tại xã Phú S, H nên đã thuê đội thầu xây dựng của ông T (người Nghệ An, lao động tại thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế). Khi hoàn thành công việc, ông T đã giao cho bà L 10 hóa đơn của Công ty X tổng giá trị chưa thuế là 1.508.390.910 đồng, thủ tục thanh toán tiền vật tư xây dựng và nhân công.

Nguyễn Thị Hồng L khẳng định Công ty L không thỏa thuận mua bán hóa đơn với Công ty X. Việc Công ty L mua gỗ và phát sinh chi phí giao khoán thi công đường bê tông giao thông với đội thầu của ông T là có thật và đã nhận hóa đơn từ các đối tác này.

Công ty L đã kê khai thuế đối với 11 hóa đơn trên. Ngày 20/7/2020, Công ty điều chỉnh loại hóa đơn và nộp thuế GTGT là 157.330.000 đồng, nộp thuế TNDN là 53.145.000 đồng do kết quả kinh doanh năm 2019 lỗ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 11 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của Công ty X. Nguyễn Đình Q thừa nhận đã xuất không 11 hóa đơn ghi thông tin Công ty L và thu tổng cộng 171.440.000 đồng.

13. Công ty Cổ phần đường bộ 1 Thừa Thiên Huế do Phan T M làm giám đốc, người đại diện theo pháp luật. Công ty có nhiều đơn vị trực thuộc tự chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh.

(13.1). Xí nghiệp xây dựng công trình 1 do Lê Phú T làm Giám đốc.

Lê Phú T đã liên hệ thuê nhân công của đội thầu xây dựng (không xác định được nhân thân, địa chỉ) thi công công trình. Khi hoàn thành công việc, Lê Phú T đã nhận 04 hóa đơn của Công ty X tổng giá trị chưa thuế là 197.735.000 đồng từ đại diện đội thầu và đã thanh toán đủ tiền cho các đội thầu.

(13.2). Xí nghiệp xây dựng công trình 3 do Bùi Đình B làm Giám đốc.

Bùi Đình B đã liên hệ thuê nhân công đội thầu xây dựng (không xác định được nhân thân, địa chỉ) thi công công trình. Bùi Đình B đã nhận 02 hóa đơn của Công ty X tổng giá trị chưa thuế là 161.986.000 đồng từ đại diện đội thầu và đã chuyển khoản thanh toán 178.184.600 đồng tiền nhân công theo số tài khoản do đội thầu cung cấp.

(13.3). Xí nghiệp đường bộ 106 do Nguyễn Quốc H làm Giám đốc.

Nguyễn Quốc H đã liên hệ thuê nhân công đội thầu xây dựng (không xác định được nhân thân, địa chỉ) thi công công trình. Nguyễn Quốc H đã nhận 01 hóa đơn của Công ty X tổng giá trị chưa thuế là 73.263.000 đồng từ đại diện đội thầu và đã chuyển khoản thanh toán 80.589.300 đồng tiền nhân công theo số tài khoản do đội thầu cung cấp.

Tổng cộng trong năm 2018 và năm 2019 các Xí nghiệp đã nhận 07 hóa đơn GTGT của Công ty X. Giám đốc các Xí nghiệp khẳng định không thỏa thuận mua bán hóa đơn với Công ty X. Việc các xí nghiệp phát sinh chi phí: thuê nhân công với các đội thầu là có thật và đã nhận hóa đơn từ đại diện các đội thầu này. Các Xí nghiệp không còn thông tin liên hệ của những người này.

Phan T M - Tổng Giám đốc Công ty CP Đường bộ 1 khẳng định Công ty đã giao khoán cho các Xí nghiệp chủ động tổ chức hoạt động sản xuất chi phí thì các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm tập hợp hóa đơn đầu vào nộp lên Công ty để quyết toán công trình và kê khai thuế. Công ty đã nhận từ các đơn vị trực thuộc và thực hiện kê khai thuế đối với 07 hóa đơn Công ty X. Ngày 16/7/2020, Công ty điều chỉnh loại hóa đơn và nộp thuế GTGT là 43.298.000 đồng. Ngày 09/8/2021, Công ty nộp thuế TNDN là 86.596.000 đồng. Cơ quan điều tra đã thu giữ 07 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của Công ty X. Nguyễn Đình Q thừa nhận đã xuất không 07 hóa đơn ghi thông tin các Xí nghiệp trực thuộc Công ty CP Đường bộ 1 Thừa Thiên Huế và thu tổng cộng 47.620.000 đồng.

14. Công ty CP Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế do Bùi Xuân C là người đại diện theo pháp luật. Công ty có nhiều đơn vị trực thuộc tự chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh.

(14.1). Xí nghiệp Quản lý đường bộ 1 do Phan Quốc T làm Giám đốc.

Phan Quốc T đã liên hệ đối thầu xây dựng (không xác định được nhân thân, địa chỉ) để thuê nhân công phục vụ thi công công trình. Khi hoàn thành công việc, Phan Quốc T đã nhận 02 hóa đơn của DNTN M tổng giá trị chưa thuế là 110.000.000 đồng từ đại diện đội thầu và chuyển khoản 121.000.000 đồng thanh toán tiền nhân công theo số tài khoản do đội thầu cung cấp.

(14.2). Xí nghiệp Quản lý đường bộ 2 do N T H làm Giám đốc.

N T H đã liên hệ chủ phương tiện vận chuyên (không xác định được nhân thân, địa chỉ) mua đá xây và liên hệ đối thầu xây dựng để thuê nhân công phục vụ thi công công trình. Khi hoàn thành công việc, Nguyễn T H đã nhận 03 hóa đơn của Công ty X tổng giá trị chưa thuế là 178.895.460 đồng từ chủ phương tiện vận chuyên, đội thầu xây dựng và đã chuyển khoản tổng cộng 196.785.000 đồng thanh

toán tiền mua đá xây, tiền thuê nhân công, theo số tài khoản do những người này cung cấp.

(14.3). Xí nghiệp Quản lý đường bộ 3 do Phạm M T làm Giám đốc.

Phạm M T đã liên hệ chủ phương tiện vận chuyển (không xác định được nhân thân, địa chỉ) mua đá phục vụ thi công công trình. Khi hoàn thành công việc, Phạm M T đã nhận 01 hóa đơn của Công ty X giá trị chưa thuế là 117.581.820 đồng từ chủ phương tiện và đã chuyển khoản X.340.000 đồng thanh toán tiền mua đá theo số tài khoản do chủ phương tiện cung cấp.

(14.4). Xí nghiệp Bê tông nhựa H do Lê Việt Hoàn T làm Giám đốc.

Lê Việt Hoàn T đã liên hệ chủ phương tiện vận chuyển (không xác định được nhân thân, địa chỉ) mua cát và liên hệ đối thầu xây dựng để thuê nhân công phục vụ thi công công trình. Khi hoàn thành công việc, Lê Việt Hoàn T đã nhận 05 hóa đơn của DNTN Minh Q và 02 hóa đơn của Công ty X từ chủ phương tiện vận chuyển, đội thầu xây dựng và đã chuyển khoản tổng cộng 452.046.584 đồng thanh toán tiền vật tư, tiền nhân công theo số tài khoản do những người này cung cấp.

(14.5). Xí nghiệp Bê tông nhựa P do Nguyễn T N làm Giám đốc.

Nguyễn T N thuê lái xe (không xác định được nhân thân, địa chỉ) vận chuyển bê tông từ Trạm Bê tông P đến các công trường. Khi hoàn thành công việc, Nguyễn T N đã nhận 01 hóa đơn của Công ty X giá trị chưa thuế là 20.094.550 đồng từ chủ phương tiện và đã chuyển khoản thanh toán 22.104.000 đồng.

Tổng cộng trong năm 2018 và năm 2019 các Xí nghiệp đã nhận 14 hóa đơn GTGT, gồm 07 hóa đơn của DNTN M và 07 hóa đơn của Công ty X. Giám đốc các Xí nghiệp khai không thỏa thuận mua bán hóa đơn với DNTN M và Công ty X. Việc các Xí nghiệp phát sinh chi phí thi công công trình là có thật và đã nhận hóa đơn từ các chủ phương tiện vận chuyển và các đội thầu. Các Xí nghiệp không còn thông tin liên hệ của những người này.

Ông Bùi Xuân C - Tổng Giám đốc Công ty CP Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế khai: Công ty đã giao khoán cho các Xí nghiệp chủ động tổ chức hoạt động sản xuất, khi phát sinh chi phí thì các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm tập hợp hóa đơn đầu vào nộp lên Công ty để kê khai thuế. Công ty đã nhận từ các đơn vị trực thuộc và thực hiện kê khai thuế đối với 14 hóa đơn của DNTN M và Công ty X. Ngày 20/7/2020, Công ty chỉnh loại hóa đơn và nộp thuế GTGT là 83.752.000 đồng, nộp thuế TNDN là 167.504.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 14 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của Công ty X. Nguyễn Đình Q thừa nhận đã xuất không 14 hóa đơn ghi thông tin các Xí nghiệp thuộc Công ty cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế và thu tổng cộng 92.120.000 đồng.

15. Doanh nghiệp tư nhân L T do Dương Văn T là người đại diện theo pháp luật.

Năm 2016 DNTN L T thi công một số công trình, nên đã thuê đội xe bên ngoài (không xác định được nhân thân, địa chỉ) vận chuyển đất và rải hạ của công

trình. Khi hoàn thành công việc, đại diện đội xe đã giao cho DNTN L T 01 hóa đơn GTGT của DNTN M, giá trị chưa thuế là 246.109.000 đồng để làm thủ tục thanh toán. Dương Văn T đã chuyển khoản 270.720.000 đồng thanh toán tiền vận chuyển theo số tài khoản do đại diện đội xe cung cấp. Dương Văn T không còn thông tin liên hệ của người đại diện này.

DNTN L T đã kê khai thuế hóa đơn trên. Ngày 05/01/2022, DNTN L T điều chỉnh loại hóa đơn và nộp thuế GTGT là 24.610.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của DNTN M, Nguyễn Đình Q thừa nhận đã xuất khống 01 hóa đơn ghi thông tin DNTN L T và thu 27.070.000 đồng.

16. Công ty Cổ phần phát triển Trường S do Hồ Anh B là người đại diện theo pháp luật.

Từ tháng 12/2016 đến tháng 7/2017, Công ty Trường S giao nhiệm vụ cho kế toán N Ngọc L thuê phương tiện bên ngoài (không xác định được nhân thân, địa chỉ) vận chuyển đá tại mỏ Trường S của Công ty để cung cấp cho các công trình đường La S - Túy L và một số công trình khác ở Nam Đông.

Nguyễn Ngọc L đã thuê đội xe của Lê T L ở H chuyên vận vật liệu đá. Khi hoàn thành công việc, L đã giao cho L tổng hóa đơn GTGT của DNTN M tổng giá trị chưa thuế là 1.175.995.479 đồng để làm thủ tục thanh toán. Công ty Trường S đã chuyển khoản thanh toán 1.265.123.017 đồng tiền vận chuyển theo số tài khoản L cung cấp.

Hồ Anh B và Nguyễn Ngọc L khẳng định việc Công ty thuê đội xe của Lê T L vận chuyển đá cung cấp cho các công trình là có thật và đã nhận hóa đơn từ L. Công ty không còn thông tin liên hệ của L.

Công ty Trường S đã kê khai thuế đối với hóa đơn của DNTN M. Ngày 07/5/2020 Công ty đã điều chỉnh loại hóa đơn và nộp thuế GTGT là 117.599.000 đồng, nộp thuế TNDN là 235.199.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của DNTN M, 04 tờ hóa đơn còn lại đã bị thất lạc. Nguyễn Đình Q thừa nhận đã xuất bán 01 hóa đơn ghi thông tin Công ty cổ phần phát triển Trường S và thu tổng cộng X.360.000 đồng.

17. Công ty TNHH A do Trần Văn T là người đại diện theo pháp luật.

Năm 2016 Công ty A nhận thi công hạ tầng Khu tái định cư L, huyện P và đã giao nhiệm vụ cho Phan Đ V là nhân viên kỹ thuật của Công ty liên hệ thuê máy móc phục vụ thi công của một số chủ phương tiện.

Khi hoàn thành công việc, đại diện chủ phương tiện máy móc (không xác định được nhân thân, địa chỉ) đã giao cho Công ty A 01 hóa đơn GTGT của DNTN M giá trị chưa thuế là 178.498.270 đồng để làm thủ tục thanh toán. Công ty A đã chuyển khoản thanh toán 196.348.100 đồng tiền thuê máy móc theo số tài khoản do người này cung cấp.

Trần Văn T khai việc Phan Đ V thuê máy móc thiết bị thực hiện công trình tại

P là có thật và đã nhận hóa đơn từ chủ phương tiện máy móc.

Ngày 04/6/2020, Công ty A điều chỉnh loại hóa đơn và nộp thuế GTGT là 17.849.000 đồng, nộp thuế TNDN là 35.699.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của DNTN M, Nguyễn Đình Q thừa nhận đã xuất không 01 hóa đơn ghi thông tin Công ty A và thu 19.630.000 đồng.

18. Công ty TNHH Hạ tầng N do Lê Quốc T là người đại diện theo pháp luật.

Năm 2016 Công ty Hạ tầng N thuê đội xe bên ngoài (không xác định được nhân thân, địa chỉ) vận chuyển vật liệu đá dăm từ mỏ Xuân L đến các công trình của Công ty. Khi hoàn thành công việc, đại diện đội xe đã giao cho Công ty 01 hóa đơn GTGT của DNTN M trị giá chưa thuế là 392.297.730 đồng. Công ty Hạ tầng N đã chuyển khoản thanh toán 431.527.500 đồng tiền thuê xe vận chuyển theo số tài khoản do đại diện đội xe cung cấp. Công ty Hạ tầng N đã kê khai thuế đối với hóa đơn của DNTN M. Ngày 12/11/2021 Công ty Hạ tầng N điều chỉnh loại hóa đơn trên và nộp thuế GTGT là 39.229.000 đồng, nộp thuế TNDN là 78.459.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của DNTN M, Nguyễn Đình Q thừa nhận đã xuất không 01 hóa đơn ghi thông tin Công ty Hạ tầng N và thu 43.150.000 đồng.

19. Công ty TNHH D do Trương Đình D là người đại diện theo pháp luật.

Năm 2016 Công ty D thu mua gỗ rừng trồng làm nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu từ các chủ phương tiện vận tải (không xác định được nhân thân, địa chỉ). Việc giao nhận gỗ được thực hiện trực tiếp tại kho xưởng của Công ty. Đại diện các chủ phương tiện đã giao cho Công ty D 03 hóa đơn GTGT của DNTN M giá trị chưa thuế là 560.000.000 đồng để làm thủ tục thanh toán. Công ty đã chuyển khoản 616.000.000 đồng thanh toán tiền mua gỗ theo số tài khoản do các chủ phương tiện cung cấp.

Cũng trong năm 2016, Công ty ký hợp đồng thuê đội thầu xây dựng của Lê Cảnh Hoài N và Trần Đ (đều không xác định được nhân thân, địa chỉ) thi công trụ sở Công ty D tại KCN H. Đội thầu đã giao cho Công ty 01 hóa đơn GTGT của DNTN M giá trị chưa thuế là 1.252.947.270 đồng. Công ty đã chuyển khoản thanh toán 1.378.242.000 đồng tiền công xây dựng theo số tài khoản do đội thầu cung cấp.

Trương Đình D khai, việc Công ty thu mua gỗ và phát sinh chi phí giao khoán thi công với đại diện phương tiện vận chuyển, đại diện đội thầu là có thật và đã nhận hóa đơn từ những người này. Công ty hiện không còn thông tin của những người này.

Công ty D đã kê khai thuế đối với hóa đơn của DNTN M. Ngày 08/6/2021, Công ty D điều chỉnh loại hóa đơn, nộp thuế GTGT là 181.294.000 đồng. Ngày 16/02/2022, Công ty nộp thuế TNDN tương ứng 03 hóa đơn mặt hàng gỗ là 111.203.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã thu giữ 04 hóa đơn GTGT (liên 2, bản gốc) của DNTN M,

Nguyễn Đình Q thừa nhận đã xuất không 04 hóa đơn ghi thông tin Công ty TNHH D và thu tổng cộng 185.420.000 đồng.

Tổng cộng, Nguyễn Đình Q đã xuất bán trái phép 123 hóa đơn GTGT không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo của DNTN M và Công ty X, thu được tổng số tiền 1.855.040.000 đồng. Sau khi nộp thuế cho 02 doanh nghiệp trên là 213.236.000 đồng, Q đã thu lợi bất chính 1.641.804.000 đồng.

Tại các bản Kết luận giám định số 731, 732 ngày 28/01/2022 và ngày 24/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định: Chữ ký trên mục Thủ trưởng đơn vị bán hàng đối với 30 hóa đơn của DNTN M là do Nguyễn Đình Q ký ra; hình dấu trên 30 hóa đơn so với mẫu dấu: Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thương mại dịch vụ và xây dựng M là cùng một con dấu đóng ra.

Tại các bản Kết luận giám định số 733 và số 734 ngày 31/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xác định: Chữ ký mang tên Nguyễn Đình T trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên Nguyễn Đình T trên 30 hóa đơn của Công ty X là không phải do cùng một người ký ra; hình dấu trên tài liệu cần giám định (trên 30 hóa đơn) so với hình dấu mẫu:

“Công ty TNHH MTV sản xuất thương mại dịch vụ X” do một con dấu đóng ra (BL 1440, 1443)

Kết luận giám định số 203/KL-CTTTH ngày 16/3/2022, của Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế xác định 19 doanh nghiệp nêu trên mua trái phép hóa đơn đã có hành vi sử dụng hóa đơn không của DNTN M và Công ty X để kê khai thuế, sau đó 19 doanh nghiệp này đã kê khai điều chỉnh loại bỏ các hóa đơn, nộp lại tiền thuế cho Ngân sách nhà nước, nên không gây thiệt hại về thuế. Riêng DNTN L T có hành vi trốn thuế TNDN số tiền 49.221.818 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2022/HSST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh đã Thừa Thiên Huế quyết định:

[1] Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình Q 09 (chín) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/8/2021 đến ngày 17/11/2021.

Hình phạt bổ sung: cấm bị cáo hành nghề liên quan đến kế toán 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị số 23/QĐ-VC2 kháng nghị Bản án hình sự sơ

thẩm số 61/2022/HSST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh đã Thừa Thiên Huế, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phúc thẩm theo hướng áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; sửa bản án sơ thẩm tăng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình Q theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 17/11/2022 bị cáo Nguyễn Đình Q gửi đơn xin khoan hồng, đề nghị giữ nguyên mức án 09 tháng tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 23/QĐ-VC2 ngày 05/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và trình bày quan điểm: bị cáo Q phạm tội nhiều lần với số tiền rất lớn, trong đó có nhiều lần, mỗi lần thu lợi bất chính trên 30.000.000đ, nhưng tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” là thiếu sót. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị số 23/QĐ-VC2 ngày 05/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; sửa bản án sơ thẩm áp dụng thêm tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; tăng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình Q theo đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Đình Q trình bày kháng nghị là đúng; vì quá trình phạm tội bị cáo không biết việc này; nay xin được khoan hồng giữ nguyên như trong đơn, đề nghị cho bị cáo được giữ nguyên mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đình Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ đã thu thập được. Như vậy, có đủ căn cứ chứng minh: vì mục đích thu lợi bất chính mà trong thời gian từ tháng 12/2016 đến tháng 8/2019 bị cáo Nguyễn Đình Q quản lý 02 doanh nghiệp tại xã Bình T, thị xã H và tại Phường A, thành phố Huế đã bán trái phép 123 hoá đơn giá trị gia tăng ghi hàng hoá không có thực cho nhiều cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế để thu lợi bất chính số tiền 1.641.804.000đ. Với hành vi và hậu quả như trên bị cáo Nguyễn Đình Q bị truy tố, xét xử về tội: “*Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước*” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật hình sự có khung hình phạt

từ 01 năm đến 05 năm tù; toà án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp lại một phần thu lợi bất chính theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; từ đó áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Q 09 tháng tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Bị cáo không kháng cáo.

[2] Xét Quyết định kháng nghị số 23/QĐ-VC2 ngày 05/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Hội đồng xét xử thấy rằng: khoản 1 Điều 203 BLHS quy định “*Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*” Trong thời gian dài 03 năm, bị cáo Nguyễn Đình Q trực tiếp quản lý điều hành DNTN M và Công ty X, đã xuất bán 123 hoá đơn giá trị gia tăng ghi các mặt hàng không có thật cho nhiều doanh nghiệp và cá nhân. Trong đó có 14 lần thu lợi bất chính số tiền trên 30.000.000đ; 02 lần bán hoá đơn ghi nội dung từ 10 số trở lên, mỗi lần thu lợi trên 30.000.000đ hoặc mỗi lần bán hoá đơn ghi nội dung từ 10 số trở lên. Do vậy có đủ căn cứ bị cáo Q đã phạm tội nhiều lần nên cần phải áp dụng tình tiết tăng nặng “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo; Toà án cấp sơ thẩm không áp dụng là thiếu sót. Do Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52, nên bị cáo Q không đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 BLHS. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị số 23/QĐ-VC2 ngày 05/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; sửa bản án sơ thẩm tăng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình Q là có căn cứ.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bị cáo Nguyễn Đình Q không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1/ Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 23/QĐ-VC2 ngày 05/10/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa phần hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2022/HSST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình Q **18** (mười tám) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước*”.

2/ Án phí phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Đình Q không phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (12/12/2022).

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế (03);
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (03);
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thừa Thiên Huế (02);
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND p. Đ, tp. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
(thay cho việc thông báo bằng văn bản);
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường